TÒA ÁN NHÂN DÂN **QUẬN K,** **THÀNH PHỐ C**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 73/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 09 – 09 - 2022
V/v: "*Tranh chấp ly hôn*".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN NINH KIỀU, THÀNH PHỐ C

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngọc B

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Bà Trần Thị D

2/ Bà Đỗ Thị Lệ H

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Trần Thị Kiều T - Thư ký Tòa án nhân dân Quận K, Thành phố C.

Ngày 09 tháng 09 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Ninh Kiều, Thành phố C xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 446/2022/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 08 năm 2022 về việc *"Tranh chấp ly hôn"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 656/2022/QĐST-HNGĐ ngày 19 tháng 08 năm 2022, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Đỗ Thị Mỹ T, sinh năm: 1999.

Địa chỉ: ấp Long Bình A, xã L, huyện C, tỉnh T.

Bị đơn: Ông Phan Trí M, sinh năm: 1992

Địa chỉ: 59A Hoàng Văn Thụ, phường T, Quận K, Thành phố C.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 07/03/2022 và quá trình giải quyết, nguyên đơn bà Đỗ Thị Mỹ T trình bày: Bà Đỗ Thị Mỹ T và ông Phan Trí M tự nguyện tìm hiểu và tiến đến hôn nhân vào năm 2019, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện C, tỉnh T. Thời gian đầu, ông bà chung sống hạnh phúc nhưng sau đó phát sinh mâu thuẫn do tính cách không hợp nhau. Mặc dù ông bà đã cố gắng hàn gắn tình cảm nhưng không thành. Vì vậy, bà Đỗ Thị Mỹ T khởi kiện yêu cầu ly hôn với ông Phan Trí M.

Về con chung: ông bà có 01 con chung Phan Đỗ Thảo N (nữ), sinh ngày: 15/03/2021. Bà T yêu cầu được nuôi con. Bà T không yêu cầu ông M cấp dưỡng.

Về M sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn: ông Phan Trí M có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt.

Tại phiên tòa,

Nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt.

Bị đơn có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các M liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Bà Đỗ Thị Mỹ T và ông Phan Trí M tự nguyện tiến tới hôn nhân, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L nên được xem là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống phát sinh mâu thuẫn nên bà T khởi kiện yêu cầu ly hôn với ông Phan Trí M có nơi cư trú tại: 59A Hoàng Văn Thụ, phường A, Quận K, Thành phố C. Do đó, quan hệ pháp luật được xác định là "Tranh chấp ly hôn" thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận K, Thành phố C theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] *Về thủ tục tố tụng*: Nguyên đơn, bị đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với nguyên đơn và bị đơn theo quy định tại điểm b Khoản 2 Điều 227 và khoản 1, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] *Xét quan hệ hôn nhân*: Bà Đỗ Thị Mỹ T và ông Phan Trí M sống chung có đăng ký kết hôn năm 2019. Nguyên nhân bà T yêu cầu ly hôn: là do bất đồng quan điểm, mâu thuẫn trong tính cách, ông bà đã không sống chung từ năm 2021, hiện tại bà T không còn tình cảm với ông M nên yêu cầu ly hôn. Do đó yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn có cơ sở để chấp nhận.

[4] *Về con chung*: ông bà có 01 con chung Phan Đỗ Thảo N (nữ), sinh ngày: 15/03/2021. Bà T yêu cầu được nuôi con. Bà T không yêu cầu cấp dưỡng, hiện tại cháu Như còn nhỏ (dưới 36 tháng tuổi) và đang sống với bà T nên giao cháu N cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp. Giành quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung cho ông M không ai được quyền ngăn cản.

[5] *Về tài sản chung và nợ chung*: Bà T trình bày không có. Trường hợp có phát sinh tranh chấp sẽ giải quyết thành vụ án khác.

[6] *Về án phí hôn nhân sơ thẩm*: Nguyên đơn bà Đỗ Thị Mỹ T phải chịu 300.000đ án phí hôn nhân sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào:

- khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 khoản 3 Điều 228, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

2. Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Đỗ Thị Mỹ T.

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Đỗ Thị Mỹ T được ly hôn với ông Phan Trí M.

- Về con chung: Giao cháu Phan Đỗ Thảo N (nữ), sinh ngày: 15/03/2021 cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng. Bà T không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung. Giành quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung cho ông M không ai được quyền ngăn cản.

- Về tài sản chung và nợ chung: Bà Đỗ Thị Mỹ T trình bày không có. Trường hợp có phát sinh tranh chấp sẽ giải quyết thành vụ án khác.

3. Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Nguyên đơn bà Đỗ Thị Mỹ T phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*), chuyển tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0001797 ngày 17/03/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận K thành án phí nguyên đơn phải nộp.

4. Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt thì thời hạn kháng cáo là 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật, để yêu cầu Tòa án nhân dân Thành phố C giải quyết lại theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án, được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có

quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- Đương sự;
- TAND Tp.C;
- VKSND Q.K;
- Chi cục THADS Q.K;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Nguyễn Thị Ngọc B